

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THANH PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /NQ - HĐND

Thanh Phong, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn Điều chỉnh Quyết toán Ngân sách xã năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THANH PHONG
NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ XI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH 13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số 785/TTr-UBND ngày 05/11/2024, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND xã và ý kiến của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê chuẩn Điều chỉnh Quyết toán Ngân sách xã năm 2023, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Nội dung trước khi điều chỉnh:

1. Quyết toán thu ngân sách xã năm 2023:

Tổng số quyết toán thu ngân sách xã: 11.749.367.392 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng).

Trong đó:

- Các khoản thu trên địa bàn phân ngân sách xã hưởng theo quy định: 631.377.121 đồng (Sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi một đồng).

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 6.851.439.500 đồng (Sáu tỷ, tám trăm năm mươi một triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

- Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 4.266.550.771 đồng (Bốn tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng)

- Thu kết dư ngân sách năm 2022: 0 đồng

2. Quyết toán chi ngân sách xã năm 2023:

Tổng số quyết toán chi ngân sách xã: 11.749.367.392 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng).

Trong đó:

- Chi thường xuyên: 8.189.384.660 đồng (Tám tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng)

- Chi xây dựng cơ bản: 3.424.434.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng)

- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 135.548.732 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng)

3. Kết dư ngân sách xã năm 2023: 0 đồng

II. Nội dung sau khi điều chỉnh:

1. Quyết toán thu ngân sách xã năm 2023:

Tổng số quyết toán thu ngân sách xã: 11.749.367.392 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng).

Trong đó:

- Các khoản thu trên địa bàn phần ngân sách xã hưởng theo quy định: 631.377.121 đồng (Sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi một đồng).

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 6.851.439.500 đồng (Sáu tỷ, tám trăm năm mươi một triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

- Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 4.266.550.771 đồng (Bốn tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng).

- Thu kết dư ngân sách trước: 0 đồng

2. Quyết toán chi ngân sách xã năm 2023:

Tổng số quyết toán chi ngân sách xã: 11.744.710.621 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm mười nghìn, sáu trăm hai mươi một đồng).

Trong đó:

- Chi thường xuyên: 8.189.384.660 đồng (Tám tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng).

- Chi xây dựng cơ bản: 3.424.434.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 130.891.961 đồng (Một trăm ba mươi triệu, tám trăm chín mươi một nghìn, chín trăm sáu mươi một đồng).

3.Kết dư ngân sách xã năm 2023: 4.656.771 đồng (Bốn triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng).

(Chi tiết có biểu báo cáo kèm theo)

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

1. Giao ủy ban nhân dân xã căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao cho Thường trực HĐND xã, các ban HĐND và các đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3: Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 25/12/2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT HĐND-UBND huyện (để b/c);
- Phòng TC – KT (để b/c);
- Thường vụ Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, TC-KT.

CHỦ TỊCH

Phan Mạnh Hùng

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	11 749 367 392	Tổng số chi	11 744 710 621
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	446 331 571	I. Chi đầu tư phát triển	3 424 434 000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	185 045 550	II. Chi thường xuyên	8 189 384 660
III. Thu bổ sung	6 851 439 500	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	130 891 961
- Bổ sung cân đối ngân sách	4 979 840 000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	1 871 599 500		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	4 266 550 771		
Kết dư ngân sách	4 656 771		

PHỤ LỤC QUYẾT TOÁN THU NĂM 2023

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm		So sánh (%) QT/DT	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	TỔNG SỐ THU NGÂN SÁCH XÃ	5 168 950 000	5 103 000 000	11 944 816 744	11 749 367 392	231,09	230,24
I	Các khoản thu 100%	39 800 000	39 800 000	446 331 571	446 331 571	1121,44	1121,44
1	Phí và lệ phí	12 200 000	12 200 000	12 921 000	12 921 000	105,91	105,91
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	22 000 000	22 000 000	424 430 571	424 430 571	1929,23	1929,23
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu khác	5 600 000	5 600 000	8 980 000	8 980 000		160,36
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần %	149 310 000	83 360 000	380 494 902	185 045 550	254,84	221,98
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1 210 000	1 210 000	8 269 968	8 269 968	683,47	683,47
2	Lệ phí môn bài	2 700 000	2 700 000	3 025 000	3 025 000	112,04	112,04
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	131 900 000	65 950 000	127 108 464	63 554 232	96,37	96,37
4	Thu tiền sử dụng đất			219 825 200	87 930 080	0,00	0,00
5	Thuế GTGT ngoài quốc doanh	9 300 000	9 300 000	15 055 774	15 055 774	161,89	161,89
6	Thuế thu nhập cá nhân	4 200 000	4 200 000	7 210 496	7 210 496	171,68	171,68
III	Thu chuyển nguồn			4 266 550 771	4 266 550 771		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước			0	0		
V	Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên	4 979 840 000	4 979 840 000	6 851 439 500	6 851 439 500	137,58	137,58
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách	4 979 840 000	4 979 840 000	4 979 840 000	4 979 840 000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu			1 871 599 500	1 871 599 500		

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo tờ trình số...../TTr- UBND, ngày...Tháng... Năm 2024 của UBND xã Thanh Phong

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Quyết toán năm	(%) so sánh QT/DT
	Tổng chi ngân sách xã (I+II+III +IV + V)	5 103 000 000	11 744 710 621	230,15
I	Chi đầu tư phát triển		3 424 434 000	0,00
1	Chi đầu tư XD CB		3 424 434 000	0,00
II	Chi thường xuyên	5 003 000 000	6 479 876 400	129,52
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	395 250 000	395 250 000	100,00
-	Chi dân quân tự vệ (Bao gồm: P/C và hoạt động)	241 546 000	241 546 000	100,00
-	Chi an ninh trật tự (Bao gồm: P/C và hoạt động)	153 704 000	153 704 000	100,00
2	Chi y tế	4 023 000	4 023 000	
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	49 000 000	49 000 000	100,00
4	Chi thể dục thể thao	15 000 000	15 000 000	100,00
5	Ban công tác mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết XDNTM đô thị văn minh". Theo NQ 07/2018/NQ - HĐND, ngày 20/7/2018 (7 xóm)	35 000 000	35 000 000	100,00
6	Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng NTM đô thị văn minh"	20 000 000	20 000 000	100,00
7	KP ban ban chỉ đạo (xã) toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá	7 000 000	7 000 000	100,00
8	Kinh phí hoạt động cho tổ dân vận ở xóm. Theo NQ 23/2021/NQ - HĐND ngày 09/12/2021	15 000 000	15 000 000	100,00
9	Chi bảo vệ môi trường	40 000 000	40 000 000	100,00
10	Chi các hoạt động kinh tế	135 000 000	135 000 000	100,00
11	Hỗ trợ các hội đặc thù (Hội: Khuyến học, NNCĐDC, TNXP, Khuyết tật)	48 000 000	48 000 000	100,00
12	Kinh phí phòng chống dịch bệnh, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm	20 000 000	20 000 000	100,00
13	Chi quản lý nhà nước-Đảng- Đoàn thể	3 978 380 000	5 455 256 400	137,12
-	Chi lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương	2 661 820 000	2 661 820 000	100,00
-	Quản lý nhà nước	692 520 000	692 520 000	100,00
-	Hội đồng nhân dân (Bao gồm cả sinh hoạt phí HĐND xã)	244 940 000	244 940 000	100,00
-	Đảng cộng sản Việt Nam (Bao gồm cả phụ cấp, cấp uỷ)	255 100 000	255 100 000	100,00
-	Mặt trận tổ quốc Việt Nam (Gồm giám sát đầu tư CD, KP hoạt động ban thanh tra ND; KP phản biện xã hội theo quy định tại NQ số 21/2017/NQ-HĐND)	51 000 000	51 000 000	100,00
-	Đoàn thanh niên CSHCM	15 000 000	15 000 000	100,00
-	Hội liên hiệp PN Việt Nam (Bao gồm cả KP vì sự tiến bộ phụ nữ)	16 500 000	16 500 000	100,00
-	Hội cựu chiến binh Việt Nam	15 000 000	15 000 000	100,00

-	Hội nông dân Việt Nam (Bao gồm cả KP hỗ trợ đại hội, KP hội làm vườn)	26 500 000	26 500 000	100,00
-	Chi trả nợ đường điện chiếu sáng công cộng ngoài trời tuyến đường QL 7B xóm 7; Trả nợ sửa chữa Nghĩa trang Liệt Sỹ; Trả nợ làm đường chạy sân vận động xã (Từ nguồn KP bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nhà máy may Thanh Chương tại xã Thanh Phong)		333 476 400	
-	Hỗ trợ các xóm mua xi măng ; mua sắm cơ sở vật chất cho 7 xóm (Từ nguồn chuyển nguồn 2022 sang 2023)		640 000 000	
-	Chi cải cách tiền lương (Từ nguồn chuyển nguồn 2022 sang năm 2023)		157 000 000	
-	Chi tiền lắp đặt biển báo phản quang giao thông, sơn giảm tốc trên các tuyến đường trục chính tại 7 xóm đảm bảo phục vụ cho việc thẩm định tiêu chí NTM nâng cao (Từ nguồn chuyển nguồn 2022 sang năm 2023)		346 400 000	
14	Chi sự nghiệp xã hội	241 347 000	241 347 000	100,00
-	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	145 547 000	145 547 000	100,00
-	Đảm bảo xã hội	95 800 000	95 800 000	100,00
III	Chi bổ sung có chương trình mục tiêu		1 609 508 260	
IV	Chi dự phòng	100 000 000	100 000 000	100,00
V	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau		130 891 961	